

HOÀNG THỊ THU HƯỜNG*
PHẠM MINH PHƯƠNG**

ĐẠO GIÁO Ở VIỆT NAM THỜI LÝ, TRẦN QUA MỘT SỐ TÁC PHẨM HÁN NÔM TIÊU BIỂU

Tóm tắt: Đạo giáo ở Việt Nam vẫn luôn là một đề tài hấp dẫn đối với nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Những nghiên cứu trước đây luôn đặt Đạo giáo trong mối tương quan giữa các giai đoạn khác nhau để thấy được sự tiếp nối về mặt tư tưởng giữa các triều đại, đồng thời cũng chỉ ra những nét mới, khác biệt trong từng giai đoạn. Theo xu hướng đó, tác giả bài viết cũng tiếp cận Đạo giáo thời Lý, Trần theo dòng lịch sử qua các tác phẩm Hán Nôm tiêu biểu (sử học, văn học) để khảo cứu, phân tích và chỉ ra đặc điểm cũng như vai trò của tôn giáo này ở Việt Nam theo các khía cạnh sau: cơ sở thờ tự, đối tượng thờ cúng, đạo sĩ và những người thực hành Đạo giáo, và các thực hành Đạo giáo.

Từ khóa: Đạo giáo; Đạo sĩ; thời Lý - Trần; sử học; văn học; Hán Nôm.

Dẫn nhập

Đạo giáo là một loại hình tôn giáo nội sinh của Trung Quốc. Trong quá trình tồn tại, phát triển của mình, Đạo giáo đã truyền đến những quốc gia và khu vực chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa. Trong đó có bán đảo Triều Tiên, Nhật Bản... và Việt Nam. Những nghiên cứu sớm nhất về tôn giáo này ở Việt Nam có lẽ xuất hiện vào những năm đầu thế kỷ XX, với các tác giả Phan Kế Bính (1915)¹, Trần Trọng

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Bài viết trong khuôn khổ đề tài cấp Bộ: *Đạo giáo ở Việt Nam: Lịch sử, hiện trạng và xu hướng phát triển (Nghiên cứu trường hợp người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ)* do PGS.TS. Chu Văn Tuấn làm chủ nhiệm.

Ngày nhận bài: 22/10/2021; Ngày biên tập: 22/11/2021; Duyệt đăng: 10/12/2021.

Kim (1923)², Đào Duy Anh (1938)³,... Đa số những nghiên cứu nói trên đều dựa vào các tư liệu lịch sử trong *Việt sử lược*, *Đại Việt Sử ký toàn thư*, văn bia.... và một số bộ sử Trung Quốc để khảo cứu về Đạo giáo ở Việt Nam qua các thời kỳ. Các nhà nghiên cứu nước ngoài như Vương Khả (2000)⁴, Tôn Diệc Bình (2016)⁵, Vũ Nhữ Tùng (2017)⁶... cũng có những nghiên cứu tương tự như vậy. Tuy nhiên, những nhà nghiên cứu này, đặc biệt là Tôn Diệc Bình và Vũ Nhữ Tùng, còn dựa vào một số dã sử Trung Quốc hoặc những ghi chép thiếu tính xác thực để đưa ra một số nhận định khiên cưỡng lý giải về vai trò cũng như thái độ của các nhà cầm quyền Đại Việt đối với Đạo giáo⁷... khiến cho những người nghiên cứu sau này cảm thấy “hoang mang” mất phương hướng.

Trước tình hình đó, dựa trên một số tư liệu Hán Nôm đáng tin cậy ở Việt Nam và dựa trên những nghiên cứu đi trước, chúng tôi mong muốn một lần nữa tiến hành phân tích, tổng hợp, so sánh và đưa ra những nhận xét tương đối khách quan về đặc điểm và vai trò của Đạo giáo thời Lý, Trần. Để thực hiện điều này, chúng tôi đã lựa chọn một số tác phẩm Hán Nôm sử học và văn học tiêu biểu, gồm: *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *An Nam chí lược*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* và *Việt điện u linh* làm tư liệu cho bài viết này.

1. Đặc điểm Đạo giáo thời Lý, Trần

1.1. Đạo quán và cơ sở thờ tự

Đạo giáo hình thành vào cuối thời Đông Hán và truyền vào nước ta ngay từ khi mới hình thành. Trong suốt 1.000 năm Bắc Thuộc, theo chân từng dòng người di cư đến Giao Chỉ, Đạo giáo cũng dần chiếm được vị trí của mình. Dấu tích rõ nhất chính là hệ thống Đạo quán gồm 21 cơ sở phân bố rộng khắp vùng đồng bằng châu thổ Bắc Bộ. Một số đạo quán tiêu biểu được xây dựng từ thời Đường, như Thông Thánh quán tại Bạch Hạc, còn được tiếp tục được duy trì sau thời độc lập, thậm chí đến tận ngày nay⁸. Các thời Đinh và Tiền Lê, cơ sở thờ tự nổi tiếng là động Thiên Tôn ở Hoa Lư. Hiện nay động Thiên Tôn vẫn thờ phụng Huyền Thiên Thượng Đế và bộ tượng Tam Thanh. Một sự kiện đáng chú ý vào năm 984, vua Lê Đại Hành dựng nhiều điện

thờ, như: Bách Bảo Thiên Tuế, điện Phong Lưu, điện Từ Hoa, điện Cục Lạc, điện Bồng Lai,... Các điện này chính là đạo quán⁹.

Trong sự nối tiếp của lịch sử, Đạo giáo thời Lý, Trần chắc hẳn sẽ được kế thừa hệ thống các cơ sở thờ tự trên. Tuy nhiên, con số cụ thể là bao nhiêu thì chưa thấy tư liệu nào nhắc đến.

Trong giai đoạn nhà Lý trị vì, năm 1010, sau khi dời đô đến Thăng Long, tại kinh thành mới, Lý Thái Tổ “đã lệnh cho các hương ấp có chùa, quán bị đổ nát thì trùng tu lại”¹⁰. Năm 1011, cho dựng cung Thái Thanh bên cạnh chùa Vạn Tuế và kho Trán Phúc¹¹. Năm 1027, vua lấy áo ngự ban cho Trần Tuệ Long là đạo sĩ ở quán Nam Đế....”¹². Năm 1031, Lý Thái Tông, “Xuống chiếu phát tiền thuê thợ làm chùa quán ở các hương ấp, tất cả 150 chỗ. Năm 1032 “chùa Thích Ca ở trước quán Lôi Công có cây ưu đàm nở hoa”¹³. Năm 1102, Lý Nhân Tông cho xây dựng ba quán là Khai Nguyên, Thái Dương, Bắc Đế¹⁴. Năm 1120, vua lệnh “đắp đài Chúng Tiên”¹⁵. Năm 1128, thời Lý Thần Tông: “vua ngự đến hai cung Thái thanh, Cảnh Linh và các chùa quán trong thành để lễ tạ ơn Phật và Đạo đã giúp ngẫm cho Công Bình đánh được người Chân Lạp”; Năm 1134: hoàng đế đến quán Ngũ Nhạc”; “tháng 11, tu sửa điện Diên Sinh, quán Ngũ Nhạc”¹⁶. Năm 1135, tháng 4, “Vua đến quán Ngũ Nhạc, khánh thành tượng Tam tôn bằng vàng bạc”¹⁷. Năm 1171: “Làm miếu điện thờ Văn Tuyên Vương và đền thờ Hậu Thổ”¹⁸.

Giai đoạn nhà Trần trị vì, các vị vua cũng có nhiều thiện cảm với tôn giáo này, nhưng ít nói đến việc xây dựng, trùng tu đạo quán hay các cơ sở thờ tự của Đạo giáo. Chỉ một lần nhắc đến cung Thái Thanh gắn liền với sự kiện các đạo sĩ ở cung này lập đàn cầu tự giúp hoàng tộc (sinh được Trần Nhật Duật) và sự kiện Trần Dụ Tông ban cho đạo sĩ Huyền Vân ở núi Chí Linh “Huyền Thanh động” vào năm 1368¹⁹. Lý giải cho vấn đề này, chúng tôi cho rằng có hai lí do: (1) Vì nhà Trần đã kế thừa hệ thống các cơ sở thờ tự từ thời Lý và các triều đại trước; (2) Do tập trung vào công cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông.

Các cơ sở thờ tự có liên quan đến Đạo giáo trong giai đoạn nhà Lý và nhà Trần được các tác phẩm Hán Nôm nhắc đến không nhiều, có thể

kể đến là cung Thái Thanh (thời Lý), quán Nam Đế, đài Chúng Tiên, cung Cảnh Linh, điện Diên Sinh, quán Ngũ Nhạc, các quán Khai Nguyên, Thái Dương, Bắc Đế, quán Lôi Công, miếu điện thờ Văn Tuyên Vương và đền thờ Hậu Thổ²⁰; động Huyền Thanh và cung Thái Thanh (thời Trần, về chi tiết này, các tư liệu Hán Nôm không nói rõ cung này có phải là cung Thái Thanh được xây dựng vào thời Lý hay không, nhưng dựa vào việc chuyển giao triều đại một cách khôn khéo, ít dùng binh đao của nhà Trần, thì khả năng cao chính là cung Thái Thanh từ thời Lý). Tổng cộng 13 cơ sở, cùng với hệ thống 21 cơ sở thờ tự Đạo giáo từ thời Bắc thuộc, một vài cơ sở từ thời Đinh – Tiền Lê (giả định rằng tất cả các cơ sở thờ tự của các triều đại trước đều được tiếp nối) cùng với sự kiện vua nhà Lý xuống chiếu cho xây dựng 150 chùa, quán ở các hương ấp vào năm 1031 thì con số cơ sở thờ tự Đạo giáo được nhắc đến ở đây dao động vào khoảng trên dưới 100 đơn vị. Cần lưu ý rằng, đây là con số được tác giả ước tính dựa trên ghi chép của các văn bản Hán Nôm, còn trong thực tế, có lẽ sẽ nhiều hơn, nhưng cũng không phải là quá nhiều so với các cơ sở thờ tự của Phật giáo trong giai đoạn này.

Như vậy, xét về khía cạnh cơ sở thờ tự, Đạo giáo thời Lý, Trần được kế thừa hệ thống các cơ sở thờ tự của các thời đại trước. Thời gian nhà Lý trị vì có diễn các hoạt động sửa chữa, trùng tu và xây mới, nhưng số lượng không nhiều, không thấy thông tin về quy mô và cách bài trí trên thần điện. Thời nhà Trần không thấy nhắc đến những thông tin này. Và các cơ sở thờ tự Đạo giáo ở hai triều đại này, ngoài cách gọi là quán, còn gọi là cung, đài, động, điện, miếu và đền.

1.2. Đối tượng thờ cúng

Nói về đối tượng thờ cúng, thời Bắc Thuộc, trong *Việt điện u linh* chép việc Thứ sử Quảng Châu sang An Nam làm Đô hộ phủ đã lập đền thờ Huyền Nguyên Đế Quân và đặt tên là quán Khai Nguyên. Đô đốc Nguyễn Thường Minh dựng quán Thông Thánh vào thế kỷ VII, thờ phụng Đạo giáo chưa ảnh hưởng nhiều tín ngưỡng bản địa²¹. Thời Đinh – Tiền Lê, cơ sở thờ tự nổi tiếng là động Thiên Tôn ở Hoa Lư và hiện nay động Thiên Tôn vẫn thờ phụng Huyền Thiên Thượng Đế và bộ tượng Tam Thanh...

Sang thời Lý, Trần, căn cứ vào các chi tiết trong tư liệu Hán Nôm, tác giả liệt kê được các đối tượng thờ cúng tiêu biểu như sau.

(1) Tam Thanh (Ngọc Thanh Nguyên Thủy Thiên Tôn; Thượng Thanh Linh Bảo Thiên Tôn; Thái Thanh Đạo Đức Thiên Tôn (Thái Thượng Lão Quân, hay Lão Tử)). Năm 1135, tháng 4, “Vua đến quán Ngũ Nhạc, khánh thành tượng Tam tôn bằng vàng bạc”²²; Năm 1256, “tháng 5, sét đánh điện Thiên An, lại đánh cung Thái Thanh, tượng Thiên Tôn gãy mất một ngón tay”. Trong đó, Tam tôn tức là Tam Thanh, Thiên Tôn là Nguyên Thủy Thiên tôn.

(2) Tứ Ngự: trong Đạo giáo đây là bốn vị thần tối cao cai quản toàn bộ thế giới, gồm: *Hạo Thiên Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế* là người đứng đầu Tứ Ngự, cai quản thiên đình và tất cả các vị thần tiên trên Trời. Điểm đặc biệt là Ngọc Hoàng ở thời này còn được thể hiện qua hình tượng Đế Thích – một sản phẩm của Tam giáo nhưng nặng về Đạo giáo²³; *Trung Thiên Tử Vi Bắc Cực Đại Đế* là người điều khiển Mặt trời, các vì sao và thời tiết; *Câu Trần Thượng Cung Thiên Hoàng Đại Đế* là người quản lý mọi vấn đề trên Thiên đường, Trái đất và thế giới loài người; *Thừa Thiên Hiệu Pháp Hậu Thổ Hoàng Địa Kì* (Thổ công) là người cai quản việc sinh sản và hoạt động của núi sông. Liên quan đến Hậu Thổ có các chi tiết: năm 1010, Lý Thái Tổ còn sai người đi sứ cúng *Hậu Thổ Hoàng Địa Kỳ*²⁴; Năm 1171: “Làm miếu điện thờ Văn Tuyên Vương và đền thờ Hậu Thổ”²⁵.

(3) Lôi Công (vị thần cai quản mây, mưa, sấm, chớp): năm 1032 có ghi: “Mùa xuân, tháng 2, chùa Thích Ca ở trước quán Lôi Công có cây ưu đàm nở hoa”²⁶.

Với những chi tiết trên, có thể thấy, các thần điện Đạo giáo ở Việt Nam thời bấy giờ thường thờ một vài vị thần Đạo giáo chủ đạo (đương nhiên, bên cạnh sẽ phối thờ một số các vị thần khác nhưng không thấy ghi chép trong tài liệu), chứ không phải là toàn bộ hệ thống thần linh phức tạp gồm hàng trăm, hàng nghìn vị như trong hệ thống thần phả Đạo giáo vẫn thấy hiện nay, ví dụ: Ngũ Nhạc quán thờ Tam Thanh, Thái Thanh cung thờ Thái Thượng Lão Quân, kết hợp Nguyên Thủy Thiên Tôn (có lẽ gồm cả Tam Thanh); quán Lôi Công

thờ Lôi Công; đền Hậu Thổ thờ Hậu Thổ... tức là người dân đã có sự lựa chọn về đối tượng thờ cúng để đáp ứng nhu cầu của mình. Thờ Tam Thanh vì là bộ ba tối cao của Đạo giáo, có sức mạnh phổ quát đến mọi sự vật hiện tượng; thờ Lôi Công để cầu mưa thuận gió hòa, bảo vệ nhân sinh; thờ Hậu Thổ vì bà cai quan việc sinh sản và hoạt động của núi sông,...

1.3. Đạo sĩ và người thực hành Đạo giáo

Ở đây, có hai khái niệm: “Đạo sĩ” và “Người thực hành Đạo giáo”. Trong bài viết này, “Đạo sĩ” được hiểu là những người thực hành chuyên nghiệp, hiểu giáo lý, có học tập, có tu luyện, thực hành và có truyền dạy. Còn “người thực hành Đạo giáo” được hiểu là những người có hiểu biết, biết ít hoặc thậm chí là không biết về giáo lý nhưng tin và thực hành theo các nghi thức của Đạo giáo.

Tác giả căn cứ vào những thông tin trong các tác phẩm Hán Nôm được lựa chọn khảo cứu mà chia “Người thực hành Đạo giáo” thành 2 nhóm đối tượng: vua và hoàng tộc; tăng sĩ.

Về Đạo sĩ

Những ghi chép về Đạo sĩ ở Việt Nam trong các tư liệu Hán Nôm không nhiều, nếu như ở thời Bắc thuộc, có nhắc đến các đạo sĩ có nguồn gốc từ Trung Hoa: An Kỳ Sinh, Sĩ Nhiếp, Đồng Phụng, Cát Hồng ... thì sang thời Đinh – Tiền Lê đã có những Đạo sĩ người Việt như Đặng Huyền Quang được ban chức Sùng Chân Uy Nghi... *Tới thời Lý*, các ghi chép về Đạo sĩ cũng không nhiều, chỉ nhắc đến một số nhân vật tiêu biểu, còn lại chỉ nêu chung là Đạo sĩ hoặc người bên Đạo, ví dụ: Đạo sĩ Trần Tuệ Long trong sự kiện vua Lý Thái Tổ ngự ban áo ở quán Nam Đế năm 1027²⁷; Đạo sĩ Trịnh Trí Không tâu xin cho các đạo sĩ được nhận ký lục ở Thái Thanh vào năm 1031. *Thời nhà Trần*, dưới triều vua Trần Nghệ Tông (1321 - 1395) có nhắc đến Đạo sĩ Diêm Nguyên Phục được Minh Thái Tổ nhiều lần phái đến Việt Nam tế thần núi Tản Viên và sông Lô²⁸; nhắc đến đạo sĩ Hứa Tông Đạo (năm 1302, có đạo sĩ từ phương Bắc theo thuyền đến nước ta). Chi tiết này sau khi so sánh với văn bia “Bạch Hạc Thông Thánh quán bi ký” có sự nhầm lẫn về thời gian, nhưng Hứa Tông Đạo thật sự

đã đến nước ta, theo hầu Trần Nhật Duật. Nội dung văn bia còn nói rõ, ngoài Trần Nhật Duật, còn có các công chúa Thiên Thụy, Thiên Chân, Trần Quang Triều đều quan tâm đến đạo quán.

Đạo sĩ người Việt là Hoàn Nguyên. Ông vốn là chồng bà Thụy Tư - cô ruột vua, từng được Trần Thái Tông phong làm Đạo lục²⁹; Đạo sĩ Nguyễn Khánh trong sự kiện Hồ Quý Ly ép buộc Trần Thuận Tông xuất gia tu theo Đạo giáo, nhường ngôi cho con trai mới 3 tuổi vào năm 1397³⁰.

Như vậy, số lượng đạo sĩ được nhắc đến trong các tư liệu Hán Nôm không nhiều, triều Lý chỉ nhắc đến hai đạo sĩ là Trần Tuệ Long và Trịnh Trí Không, đời Trần nhắc đến Hoàn Nguyên, Nguyễn Khánh, ngoài ra còn có hai vị từ Trung Hoa sang là Diêm Nguyên Phục và Hứa Tông Đạo.

Về cuộc đời, sự nghiệp tu hành của các vị đạo sĩ trên không được nhắc đến, vì vậy, bài viết cũng không tìm hiểu được về cuộc sống, quá trình tu hành, tu tập và thực hành Đạo giáo các đạo sĩ ở hai triều đại này.

Người thực hành Đạo giáo - Vua và hoàng tộc

Từ khi giành được chủ quyền, các triều đại thời kỳ đầu Đại Việt đều chủ trương cai trị đất nước bằng phương thức kết hợp giữa tôn giáo và chính trị, quán triệt tư tưởng “Tam giáo đồng nguyên”. Đặc biệt, vị vua mở đầu triều Lý – vốn được nuôi dưỡng trong “cái nôi” Phật giáo nên tư tưởng trên càng được triệt để. Các vị vua triều Lý, Trần đều là những nhà cầm quyền tinh thông tam giáo, họ không chỉ hiểu mà còn vận dụng nhuần nhuyễn những kiến thức tôn giáo vào cuộc sống và vào chính sách cai trị của bản thân.

Vương triều Lý, trừ hai vị cuối (Lý Huệ Tông, Lý Chiêu Hoàng) thì trong hành trạng của bảy vị còn lại đều có những sự vận dụng linh hoạt với Đạo giáo. Đáng kể nhất phải nói đến Lý Thái Tổ (1009 - 1028) cùng những người ủng hộ. Nhà sử học Ngô Sĩ Liên đã từng nói đến “những vương bận về Đạo giáo” của vị vua này: “Lý [Thái Tổ] dấy lên, trời mở điềm lành hiện ra ở vết cây sét đánh. Có đức tất có ngôi, bởi lòng người theo về, Duy có việc ham thích đạo Phật, đạo Lão là chỗ kém³¹”. “Sự yêu thích” Đạo giáo của Lý Thái Tổ được thể

hiện ở một loạt các hành vi: năm 1010, sau khi lên ngôi, đã áp dụng thuật phong thủy chọn vùng đất tốt, dời đô về thành Đại La; cùng năm “lệnh cho các hương ấp có chùa, quán bị đổ nát thì trùng tu lại”³²; tháng 12, sai người đi sứ cúng *Hậu Thổ Hoàng Địa Kỳ* - là một trong bốn nhân vật của *Tứ Ngự* trong Đạo giáo³³; Năm 1011, tại kinh đô mới, cho xây dựng cung Thái Thanh³⁴ (vốn thờ Thái Thượng Lão Quân) làm nơi để cung đình và các đời sùng Đạo sau này dùng làm chốn để thực hành các nghi lễ Đạo giáo; Năm 1016, Lý Thái Tổ thân chinh “độ hơn 1.000 người ở kinh sư làm tăng đạo”³⁵.

Lý Thái Tông (1000 - 1054) là vị hoàng đế chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Phật giáo, nhưng cuộc đời ông cũng có nhiều hành xử liên quan đến Đạo giáo: Năm 1027, ban áo cho Trần Tuệ Long là đạo sĩ ở quán Nam Đế...³⁶; năm 1028, thưởng cho Tăng và Đạo, “sắp xếp phẩm trật cho Tăng, Đạo”; Năm 1031, “xuống chiếu phát tiền thuê thợ làm chùa quán ở các hương ấp, tất cả 150 chỗ”³⁷; tại cung Thái Thanh, vua đã chuẩn cho các đạo sĩ được nhận ký lục³⁸ theo lời thỉnh cầu của đạo sĩ là Trịnh Trí Không³⁹.

Lý Thánh Tông (1023 - 1072) từng du ngoạn và cầu đảo ở các quán đạo⁴⁰, cho xây điện Hội Tiên để làm nơi nghỉ ngơi⁴¹; và vào năm 1072, nhà vua băng hà ở điện Hội Tiên⁴¹.

Lý Nhân Tông (1066 - 1127) năm 1102, cho xây dựng ba quán là Khai Nguyên, Thái Dương, Bắc Đẩu⁴². *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục, Chính biên*, quyển 4 chép: Nhân Tông từng “nôn nóng trong việc cầu tự, nhiều lần dựng đàn cầu đảo”, năm 1115, “... Khi hoàng đế chưa có con nối dõi, cho nên lập nhiều hoàng hậu và cung nhân, dựng đàn cầu đảo xin người tế tự⁴³”; Năm 1120, mùa đông, tháng 10, lệnh “đắp đài Chúng Tiên”⁴⁴.

Lý Thần Tông (năm 1116 - 1138) là vị hoàng đế vô cùng sùng bái Đạo giáo của vương triều Lý, trong thời gian vua trị vì, các hoạt động Đạo giáo xuất hiện với tần suất dày đặc: từng xuống chiếu miễn trừ lao dịch cho Tăng, Đạo⁴⁵, đến các cung, quán, chùa, miếu làm lễ tạ ân công lao của thần, Phật đã giúp đỡ trong chiến tranh⁴⁶, thân chinh đến đốc thúc việc sửa chữa điện Diên Sinh⁴⁷, đúc tượng vàng tam tôn và đã tổ chức lễ khánh thành lớn để chào mừng các

hạng mục này⁴⁸. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, kỷ nhà Lý có chép về những chi tiết này, đặc biệt nhà sử học Lê Văn Hưu – đã phê thêm lời bình “... Thần Tông đáng lẽ phải cáo thắng trận ở Thái Miếu, xét công ở triều đường để thưởng cho bọn Công Bình về công đánh giặc. Nay lại quy công cho Phật và Đạo, đi các chùa quán để lạy tạ, như thế không phải là cách để vỗ về kẻ có công, khuyến khích chí khí quân sĩ”... Những chi tiết này đủ minh chứng cho sự tin theo Phật giáo và Đạo giáo của vị vua này.

Lý Anh Tông (1136 - 1175) từng đến quán đạo xem lễ Dục Đạo, nghi lễ Dục Đạo của Đạo giáo ở Việt Nam bắt đầu từ đó⁴⁹, lễ tắm này đã có lệnh bỏ vào năm 1171⁵⁰. Thời Anh Tông, lễ Tiểu Nghi của Đạo giáo vẫn là một trong những phương pháp chính để đất nước cầu phúc và tránh tai họa. Năm 1169, “tháng 3, ngày rằm nguyệt thực. Cá ở cửa biển chết. Sai tăng ni, đạo sĩ các chùa quán ở Kinh và các nơi tụng kinh cầu đảo”⁵¹; Khi đất nước bị hạn hán, lập tức tế Hậu Thổ Nguyên Quân của Đạo giáo để cầu mưa, chuyện này cũng được ghi lại trong “Việt điện u linh tập lục” với truyện “Hậu Thổ phu nhân”⁵²; Năm 1171: “Làm miếu điện thờ Văn Tuyên Vương và đền thờ Hậu Thổ”⁵³.

Đặc biệt vào thời Lý Cao Tông (1173 - 1210), Đạo giáo được kê vào khoa thi tiến sĩ của quốc gia, những người có kiến thức uyên thâm về tu đạo tham gia thi tiến sĩ đều có thể được công nhận và bổ nhiệm. Các chi tiết: năm 1179, đầu mùa đông, Cao Tông và Thái Hậu ngự “ở điện Sùng Chương xem con em Tam giáo thi về các môn chép ra thơ cổ, làm thơ phú, kinh nghĩa, làm toán”⁵⁴; Năm 1180, xuống chiếu cho Tam giáo sửa sang văn bia trong đại nội, định lại lệ cho các vương hầu vào chầu”⁵⁵; Năm 1195, “Bắt đầu thi Tam giáo. Dem Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo để thi kẻ sĩ. Ai đỗ thì cho xuất thân”⁵⁶; Năm 1196, đầu đông “thi con em Tam giáo về các môn chép ra thơ của cổ nhân, làm toán, thơ phú, kinh nghĩa. Cho đỗ cập đệ, xuất thân, để phân biệt”⁵⁷... đã chứng minh cho sự quan trọng của Đạo giáo trong đời sống xã hội lúc bấy giờ.

Vương triều Trần, các bậc đế vương ủng hộ Phật giáo, vận dụng Nho giáo để cai trị, đồng thời cũng “ưu ái” Đạo giáo, vì thỉnh cầu khí

tượng thần tiên hiển hiện, có vua đã từng lấy áo đạo dùng làm hoàng bào. Thậm chí còn có đế vương xuất gia làm đạo sĩ, lấy tên là Thái Thượng Hoàng Nguyên Quân hoàng đế⁵⁸ (với trường hợp này, chúng tôi sẽ trình bày kỹ hơn ở phần sau).

Trần Thái Tông tiếp tục chính sách khoa cử Tam giáo của triều Lý (1227, 1247)⁵⁹, ban chức Đạo lục cho Đạo sĩ (1244)⁶⁰. Thái Tông còn tu sửa cầu Lâm Ba ở Đạo quán⁶¹. Ông tin sùng thuật phong thủy Đạo giáo, từng lệnh các nhà phong thủy đi xem khắp núi sông cả nước, chỗ nào có vượng khí đế vương thì dùng phép thuật để trấn yểm⁶²; Cho lập trai đàn cầu tự cho hoàng tộc (sinh ra Trần Nhật Duật).

Trần Nhân Tông (1258 - 1308) tin các thuật Đạo, như: dịch, chiêm, bốc, phê, từng sai người dùng thuật chiêm bốc để xem bói về cuộc chiến giữa Đại Việt và Nguyên Mông, và trọng thưởng cho người thực hiện việc này (1289, 1292)⁶³. Trần Nhân Tông được coi là người “có tướng Tiên Kim”⁶⁴, nổi tiếng vì uyên thâm Phật pháp, được tôn xưng là tổ sư, là “Trúc Lâm đại sĩ” của Thiền tông Trúc Lâm, nhưng ông đồng thời cũng am hiểu về Đạo giáo.

Thời Trần Anh Tông (1276 - 1320), phù thủy và đàn chay Đạo giáo bắt đầu hưng thịnh ở Việt Nam. Năm 1032: “bấy giờ có người đạo sĩ phương Bắc là Hứa Tông Đạo theo thuyền buôn sang ta, cho ở bến sông Yên Hoa. Phép phù thủy, đàn chay bắt đầu thịnh hành từ đó”⁶⁵. Cách nói của tác giả *Đại Việt sử ký toàn thư* dường như có sự nhầm lẫn, vì đàn chay Đạo giáo đã sớm xuất hiện ở Việt Nam, như chi tiết Nhân Tông – triều Lý từng “vội vã trong việc cầu tự, nhiều lần dựng đàn chay cầu đảo” đã đề cập đến ở phần trên; Năm 1135, Lý Thần Tông từng bày đại trai tiểu⁶⁶ khánh thành điện Diên Sinh⁶⁷. Năm 1310, Trịnh Trọng Tử thực hành pháp thuật di rời cung đình. Trọng Tử còn “thường mời đạo sĩ làm phép trấn yểm, đạo sĩ vào chỗ ngồi, nhưng mọi việc đều do Trọng Tử làm cả, mà đạo sĩ thì không phải nói một lời nào”⁶⁸.

Năm 1314, Trần Minh Tông (1300 - 1357) sau khi lên ngôi hoàng đế, sứ nhà Nguyên đến chúc mừng, thấy ngài “mặc hoàng bào, cuốn khăn điều”, thần thái thanh tú, khen rằng: “nhẹ nhàng như thần tiên”. Người đương thời cũng cho là vậy, cho rằng “cũng là một phong cách của đất

nước”⁶⁹. Đạo giáo dường như rất hay được sử dụng trong hoàng cung, các phi tần đều biết các đạo thuật thông dụng, ví dụ: thứ phi Triều Môn từng trộm dùng thuật chú yểm Đạo giáo⁷⁰. Trần Dụ Tông (1336 - 1369) rất hứng thú với pháp thuật tu luyện Đạo giáo, năm 1368 từng vời đạo sĩ vào kinh hỏi về phép tu luyện của Đạo giáo⁷¹.

Trần Thuận Tông (1378 - 1399), cùng với sự lớn mạnh của quốc gia thống nhất, tầng lớp Nho sĩ cũng không ngừng vươn lên. Đại Việt từ khi tự chủ cho tới đây, lần đầu tiên xuất hiện sự hạn chế nghiêm ngặt đối với Phật giáo và Đạo giáo⁷². Về sau, vị vua này bị Hồ Quý Ly ép xuất gia theo Đạo giáo và bị bức chết tại quán Ngọc Thanh. Đây chính là vị vua Đạo giáo mà một số bài viết đã nhắc. Tuy nhiên, việc theo Đạo giáo của Thuận Tông là do ép buộc, không phải tự nguyện nên cách gọi vậy có lẽ là hơi khiên cưỡng.

Ngoài ghi chép về các vị vua, còn có ghi chép về các nhân vật hoàng tộc

Ghi chép về Trần Thủ Độ với sự kiện Trần Thái Tông sai các nhà phong thủy đi trấn yểm ở những nơi có vượng khí để vương vào năm 1248 được cho là hành động theo lời nhân vật này⁷³. Các nhân vật Phùng Tá Khang, cha của Phùng Tá Chu được bổ chức quan Đạo giáo là Tả Nhai Đạo Lục, tước Tả Lang⁷⁴ cũng được ghi chép trong các sự kiện vào năm 1244.

Con trai thứ sáu của Trần Thái Tông là Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật (1255 - 1330) có mối quan hệ vô cùng mật thiết với Đạo giáo. Vị này được cho là được sinh ra sau khi lập đàn chay cầu tự. Khi trưởng thành, một lòng sùng bái Đạo giáo, biết dùng bùa chú, trấn yểm, được cho là đã sử dụng các phương pháp này để chữa bệnh cho Minh Tông khi còn nhỏ⁷⁵. Khi Nhật Duật 48 tuổi, bị bệnh nặng, sử có ghi chi tiết các con ông lại mời đạo sĩ đến đặt đàn chay cúng lễ, cuối cùng khỏi ốm và sống thêm nhiều năm⁷⁶.

Người thực hành Đạo giáo - Tăng sĩ

Phần nhiều các tăng sĩ hai triều đại Lý, Trần đều là những danh tăng tinh thông Tam giáo, mặc dù tu theo Phật giáo nhưng lại am hiểu các thuật chiêm bốc, phù chú, cầu đảo... Tiêu biểu có nhóm tăng sư

Vạn Hạnh, họ chính là những người đứng sau thiết kế, hỗ trợ và từng bước đưa Lý Công Uẩn lên ngôi. Thiền sư Vạn Hạnh tinh thông và dung hòa Tam giáo, biết rõ sự huyền diệu của bùa sám Đạo giáo, như lời nói trong bài thơ *Tăng Vạn Hạnh* của Lý Nhân Tông: “*Vạn Hạnh dung tam tế, chân phù cổ sám thi*, nghĩa là *Vạn Hạnh thông tam cõi, Thật hợp lời sám xưa*”⁷⁷. Chính vì Tăng, Đạo có công trợ giúp nhà Lý lập quốc, nên năm 1009, Lý Công Uẩn sau khi lên ngôi, đã ban lễ hậu cho Phật, Đạo “phân ban y phục cho Tăng, Đạo”⁷⁸. Ngoài ra còn có thể kể đến nhiều vị tăng sĩ có những thực hành pháp thuật gần với Đạo giáo, như: Từ Đạo Hạnh, Minh Không,...

Như vậy, Đạo sĩ và những người thực hành Đạo giáo được phản ánh trong các tư liệu Hán Nôm chủ yếu là nhà vua và các nhân vật hoàng gia, không thấy những ghi chép liên quan đến sinh hoạt Đạo giáo của dân thường. Qua những chi tiết liệt kê trên đây, có thể thấy một đặc điểm chung nhất của những người thực hành Đạo giáo được tư liệu đề cập đến đều là những người có tri thức, có hiểu biết sâu rộng, sự hiểu biết của họ không chỉ dừng lại ở tri thức Đạo giáo mà còn ở các tôn giáo khác. Tuy không có những ghi chép nói rõ về giáo lý, nhưng những nhà cầm quyền đã vận dụng Đạo giáo ở nhiều phương diện: vận dụng Đạo giáo vào mục đích chính trị (trong sự kiện lên ngôi của Lý Công Uẩn, sự kiện Hồ Quý Lý ép vua Trần Thuận Tông tu hành Đạo giáo); vận dụng Đạo giáo trong việc vận hành đất nước: dùng những tri thức tôn giáo (đạo sĩ, người có hiểu biết sâu rộng về loại hình tôn giáo) trong bộ máy chính trị của họ (đặt quan chức Đạo giáo, sử dụng thi tam giáo để lựa chọn nhân tài...) và những khi cần thiết, họ cũng dùng Đạo giáo như một “dạng” sức mạnh tinh thần, củng cố lòng tin của nhân dân trăm họ, cổ vũ chính bản thân khi gặp những vấn đề ngoài tầm kiểm soát (cầu an, cầu mưa, cầu tự, cầu các vị thần che chở, ủng hộ...).

1.4. Các thực hành Đạo giáo

Các nghi thức thực hành Đạo giáo thời kỳ này phổ biến gồm những dạng sau: sám vĩ, thuật phong thủy, thiên thứ, chiêm bốc, bói toán, phù chú, bùa yểm,...

Sấm vĩ được sử dụng ngay trong giai đoạn chuẩn bị chuyển giao triều đại dưới bàn tay đạo diễn của nhóm nhà sư Vạn Hạnh⁷⁹.

Thuật phong thủy được Lý Công Uẩn sử dụng để xem xét địa hình và dời đô đến thành Đại La; Trần Thủ Độ từng “tư vấn” Thái Tông dùng phép thuật để trấn yểm những nơi có hạo khí để vương⁸⁰.

Thiên thư: nhiều sự kiện ở các năm 1119, 1124, 1129, 1134, 1136, 1145, 1166, 1177, 1283, 1394 đều mang dấu hiệu của Thiên thư dưới hình thức rùa 6 mắt, hoặc mắt có 6 con người, nằm mộng... Tất cả những trường hợp trên đều có mục đích, chủ ý rõ ràng.

Chiêm bốc, bói toán: Trần Nhân Tông tin các thuật Đạo giáo, như: dịch, chiêm, bốc, phê, từng sai người dùng thuật chiêm bốc để xem bói về cuộc chiến giữa Đại Việt và Nguyên Mông, và trọng thưởng cho người thực hiện việc này⁸¹ là Trần Thì Kiến làm An phủ lộ Yên Khang (năm 1292)⁸².

Phù chú, bùa yểm: Sự kiện Thái tử Phật Mã thuận lợi đăng cơ (1028) được cho rằng không chỉ dựa vào sự giúp đỡ quân sự bình định của thị thần Lý Nhân Nghĩa, Lê Phụng Hiếu mà còn nhờ vào bùa thiên mệnh của Đạo sĩ Trần Tuệ Long⁸³; hay chi tiết các phi tần đều biết các đạo thuật thông dụng, như trường hợp thứ phi Triều Môn từng trộm dùng thuật chú yểm Đạo giáo⁸⁴ ở thời Trần Nhân Tông....

Lễ Dục Đạo, Tiểu Nghi cầu phúc tránh tai họa, cầu mưa, cầu tự: Lý Anh Tông (1136 - 1175) vào năm 1166, “mùa xuân tháng 2, vua đến quán Linh Cung xem lễ Dục Đạo. Lễ Dục Đạo bắt đầu từ đây”⁸⁵, nghi lễ này đã có lệnh bỏ vào năm 1171: “Năm Tân Mão, hiệu Chính Long Bảo Ứng năm thứ 9 (1171) bỏ lễ tắm Đạo”⁸⁶. Thời Anh Tông, lễ Tiểu Nghi vẫn là một trong những phương pháp chính để đất nước cầu phúc và tránh tai họa. Chẳng hạn, năm 1169, tổ chức tụng kinh cầu đảo khi cá bị chết ở cửa sông”⁸⁷. Khi đất nước bị hạn hán, lập tức tế Hậu Thổ Nguyên Quân để cầu mưa,...⁸⁸. Trần Thái Tông lập đàn chay cầu tự... Các chi tiết này đã nhắc đến ở phần trên của bài viết.

Với những chi tiết trên đây, có thể thấy, các thực hành về Đạo giáo nói trên nghiêng về tính thực dụng, chủ yếu là cầu cúng, bói toán, tính

vận mệnh thậm chí còn làm hại lẫn nhau (mang đặc tính của phái Phù lục)... mà ít hoặc không có những hoạt động nghiêng về tu tập.

2. Vai trò của Đạo giáo trong thời Lý, Trần

Căn cứ vào các đặc điểm nêu trên của Đạo giáo, chúng tôi đưa ra một số ý kiến về vai trò của Đạo giáo trong thời Lý, Trần.

Thứ nhất, Đạo giáo thời Lý, Trần được giai cấp thống trị vận dụng như một công cụ chính trị. Về điều này, nhà nghiên cứu Nguyễn Duy Hình trong công trình *Người Việt Nam với Đạo giáo* (2003) đã đưa ra ý kiến ngược lại. Ông cho rằng, các nhà vua thời Lý, Trần không dùng Đạo giáo làm công cụ chính trị. Ở đây, cần một lần nữa xem xét lại các sự kiện lịch sử: Sự chuyển giao triều đại giữa Tiền Lê sang Lý, giữa Trần sang Hồ đều xuất hiện yếu tố Đạo giáo. Việc nhóm thiền sư Vạn Hạnh sử dụng các thủ thuật Đạo giáo (ở đây chúng tôi không bàn đến khía cạnh đúng hay không đúng, linh ứng hay không linh ứng): sấm vĩ, thiên thư, cầu đảo... đã tạo ra con đường bớt nhọc nhằn, giảm thiểu thương vong cho công cuộc chuyển giao quyền lực giữa các vương triều. Việc Hồ Quý Lý ép Trần Thuận Tông tu hành Đạo giáo không khác nào một cái cớ “vụng về” để “gạt bỏ đối thủ” ra khỏi “đường đua”. Có nhiên, ở đây Đạo giáo không có được “tư thế” chủ động tham dự vào chính trị, nhưng rõ ràng loại hình tôn giáo đã được tầng lớp cầm quyền lúc bấy giờ sử dụng như một phương tiện để củng cố quyền lực vương triều, tạo ra tư cách hợp “thiên lý” cho các sự kiện và ở khía cạnh nào đó là phù hợp với tình hình xã hội đương thời.

Thứ hai, mặc dù Đạo giáo được các nhà cầm quyền sử dụng như một “công cụ chính trị” nhưng trên phương diện đời sống tín ngưỡng, tôn giáo, loại hình tôn giáo này đã cùng với Phật giáo và Nho giáo tạo ra một hàng rào an ninh tinh thần vững vàng cho xã hội thời bấy giờ. Tất nhiên ở đây, các ông vua Đại Việt không có kiểu “nhận tổ quy tông” giống như vua nhà Đường, nhưng rõ ràng, Đạo giáo đã được các nhà cầm quyền vận dụng hết sức hợp lý. Khi là công cụ củng cố quyền lực, khi lại là liều thuốc “tâm linh” vỗ về bản thân, “dụ dỗ” muôn dân và giúp cố kết cộng đồng.

Và có nhiều nhà nghiên cứu cho rằng: “Đạo giáo có vị trí tương đối bình đẳng so với Phật giáo và Nho giáo”. Tác giả bài viết không cho rằng đây là một ý kiến hợp lý. Nhìn lại lịch sử: sự lên ngôi của nhà Lý dựa trên sự ủng hộ của đội ngũ Phật giáo, tất nhiên, trong quá trình thực hiện, đội ngũ này có sử dụng một số “thủ thuật” liên quan đến Đạo giáo như đã nói ở trên, nhưng rõ ràng lực lượng Phật giáo có vai trò quyết định thành bại. Khi ngôi cao yên ổn, Đạo giáo được vận dụng để góp phần ổn định và phát triển đất nước, vua đặt ra cơ quan, chức quan, các cuộc thi Tam giáo... nhưng điều này không có nghĩa là vị trí của lực lượng Đạo giáo được nâng cao hơn, vì những người được trực tiếp can dự vào triều chính vẫn luôn thuộc về lực lượng Phật giáo. Hơn nữa, đặt trong bối cảnh chung, Đạo giáo ngay cả thời kỳ phát triển nhất trong triều đại Lý, Trần (có mặt trong các khoa thi, có cơ quan riêng, có chức quan, được sử dụng để tổ chức các cuộc cầu an, cầu mưa, cầu sức khỏe, ...) cũng chưa bao giờ có số lượng cơ sở thờ tự nhiều như Phật giáo, chưa bao giờ có được một tổ chức thống nhất giống như Giáo hội Phật giáo ở chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang) và cũng chưa bao giờ có được một vị vua Đạo giáo giống như Phật hoàng Trần Nhân Tông. Hơn thế nữa, cũng chưa bao giờ nhận được sự ủng hộ một cách “ồ ạt” từ các nhân vật ở hoàng thất, các nhà tri thức... như với Phật giáo.

Kết luận

Như vậy, với việc khảo cứu trên bốn phương diện: Đạo quán và cơ sở thờ tự; đối tượng thờ cúng; đạo sĩ và người thực hành Đạo giáo và nghi lễ, chúng tôi đưa ra những nhận định cơ bản về đặc điểm của Đạo giáo thời kỳ Lý Trần như sau.

1. Đạo giáo thời Lý, Trần nằm trong dòng chảy chung của Đạo giáo Việt Nam, được kế thừa cơ sở thờ tự và các đặc điểm cơ bản của Đạo giáo ở các thời đại trước, nhưng nổi trội về thực hành mang tính thực dụng, gần với cuộc sống, mang nhiều đặc trưng của Phù lục phái, nặng về trai tiểu (cầu mưa, cầu tự...), bùa chú, bói toán, chữa bệnh, làm hại nhau... Ít hoặc rất hiếm những biểu hiện về đan đỉnh, tu tiên hay về tu tập giáo lý.

2. Với sự xuất hiện của các vị thần Tam thanh, Tứ Ngự, Lôi Công... cho thấy các thần điện Đạo giáo ở Việt Nam thời bấy giờ thường bài trí một vài vị thần Đạo giáo chủ đạo (tất nhiên, bên cạnh sẽ phối thờ một số các vị thần khác nhưng không thấy ghi chép trong tài liệu)... và như vậy cho thấy người dân đã có sự lựa chọn về đối tượng thờ cúng, phù hợp với xu thế “tính dụng” trong đời sống tôn giáo của người Việt Nam.

3. Đội ngũ thực hành Đạo giáo thời Lý, Trần tương đối phong phú, vua, hoàng gia, tăng sĩ, đạo sĩ. Ngoài đạo sĩ, những đối tượng còn lại tuy am hiểm và có cảm tình với loại hình tôn giáo này, song bản thân họ không phải là người thực hành “chuyên nghiệp”. Có thể nói, Đạo giáo đã được những đối tượng này chủ động chọn lựa sử dụng theo nhu cầu riêng của bản thân, như: trường hợp lên ngôi của Lý Công Uẩn, sự kiện Hồ Quý Lý ép vua Trần Thuận Tông xuất gia tu hành Đạo giáo; vận dụng Đạo giáo trong việc vận hành đất nước; dùng Đạo giáo như một “dạng” sức mạnh tinh thần, củng cố lòng tin của nhân dân trăm họ, cổ vũ chính bản thân khi gặp những vấn đề ngoài tầm kiểm soát (cầu an, cầu mưa, cầu tự, cầu các vị thần che chở, ủng hộ...).

4. Cuối cùng, nhóm tác giả vẫn còn một chút nuối tiếc vì những tác phẩm Hán Nôm được sử dụng trong bài viết mới chỉ nhắc đến việc thực hành tôn giáo của vua, hoàng gia, tăng sĩ, đạo sĩ mà không nói đến ứng xử của dân thường đối với Đạo giáo, vì vậy, chủ đề này vẫn cần được tiếp tục bổ sung thêm nhiều nguồn tư liệu khác.

Và với tư cách như một “chân” của “chiếc kiềng” ba chân “Phật – Nho – Đạo” trong truyền thống tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam, nhiều nhà nghiên cứu vẫn cho rằng, Đạo giáo có vị thế tương đối bình đẳng với hai tôn giáo còn lại, nhưng trên thực tế, bất luận là quá khứ hay hiện tại, Đạo giáo vẫn luôn giữ vị thế “khiêm nhường”, luôn “sẵn sàng” phối hợp, “nhào trộn” và tương hỗ cùng với các loại hình tôn giáo khác để tạo thành một hàng rào “an ninh tinh thần” vững vàng cho mọi tầng lớp trong xã hội Việt Nam./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Phan Kế Bính (1915), *Việt Nam phong tục*, tái bản năm 2005, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- 2 Trần Trọng Kim (1923), “Đạo giáo”, *Nam Phong*, các số 67, 68, 74, 75; in thành sách *Đạo giáo* (2019), Nxb. Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh.
- 3 Đào Duy Anh (1938), *Việt Nam văn hóa sử cương*, in tại Quan Hải tùng thư.
- 4 Vương Khả, “Báo cáo sơ lược về Đạo giáo ở Việt Nam” (*越南访道研究报告*), *Đạo giáo Trung Quốc*, số 2 và 3 năm 1998; *Văn hoá dân gian*, số 2 (66) năm 1999; Đại học Sư phạm Hà Nội, *Đạo gia và văn hóa*, Hà Nội, 2000.
- 5 Tôn Diệc Bình (2013), “Bàn luận về phương thức truyền bá Đạo giáo ở Việt Nam”, *Nghiên cứu phát triển xã hội và tôn giáo Đông Nam Á*, Nxb. Khoa học xã hội Trung Quốc.
- 6 Vũ Nhữ Tùng (字汝松, 2017), 《道教南转越南研究》, 齐鲁书社
- 7 Vũ Nhữ Tùng (字汝松, 2017), 《道教南转越南研究》, 齐鲁书社, tr. 105: viết: Thái tổ Lý Công Uẩn, tổ tiên ở Phúc Kiến Trung Quốc; tr. 106: viết: trích “An Nam chí lược”, niên hiệu Thiên Hi năm thứ 2 (1018), vua Trung Quốc ban kinh Đạo tạng cho Lý Công Uẩn, chi tiết này trong *Đại Việt Sử ký toàn thư* và trong *Việt sử lược* đều ghi: ban kinh tam tạng. Bản “An Nam chí lược” do Viện Đại học Huế - Ủy ban phiên dịch sử học Việt Nam (1961) cũng ghi là: Ban đại tạng....; Cũng trang 106, trong lời nhận xét thái độ của Lý Thái Tổ đối với Đạo giáo, tác giả viết: Với thân thế là hậu duệ nhà Đường của Lý Thái Tổ, những ý muốn, sự tôn sùng Đạo giáo của ông dường như muốn đề cao tượng khí thịnh Đường của tổ tiên trên bản đồ Việt Nam, (điều này) đã cung cấp một cách giải thích hợp tình hợp lý; Tôn Diệc Bình (2013), “Bàn luận về phương thức truyền bá Đạo giáo ở Việt Nam”, đăng trong *Nghiên cứu phát triển xã hội và tôn giáo Đông Nam Á*, Nxb. Khoa học xã hội Trung Quốc, tr. 188; viết: hơn 200 năm thống trị của vương triều Lý, “thực hiện chính sách tam giáo Nho - Đạo - Phật đồng nguyên”, nhưng đặc biệt tôn sùng Đạo giáo, một trong những nguyên nhân chính là tổ tiên những người thống trị triều Lý là người Hán, cùng họ với Lý Đam Lão Tử - giáo chủ Đạo giáo.
- 8 Xem thêm: Chu Xuân Giao (2020), “Đạo giáo thời Bắc thuộc: Tổng quan, con đường du nhập và giáo phái chính yếu”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Đạo giáo Việt Nam, lịch sử du nhập và phát triển*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, tháng 9, tr. 10-24, tr. 15.
- 9 Xem thêm: Nguyễn Văn Quý (2020), “Cơ sở thờ tự của Đạo giáo ở Việt Nam hiện nay”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Đạo giáo Việt Nam, lịch sử du nhập và phát triển*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, tháng 9, tr. 136-144, tr. 137.
- 10 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 242

- 11 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 242; Trần Quốc Vượng dịch, Đinh Khắc Thuân đối chiếu, chỉnh lý (2005), *Việt sử lược*, Nxb. Thuận Hóa, Huế – Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, tr. 75. Trong *Đại Việt Sử ký toàn thư* chữ Hán ghi Đại Thanh, trong *Việt sử lược* ghi là Thái Thanh, so sánh những ghi chép về các triều đại sau, ghi Thái Thanh là chính xác.
- 12 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 253.
- 13 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sdd, tr. 255.
- 14 Trần Quốc Vượng dịch, Đinh Khắc Thuân đối chiếu, chỉnh lý (2005), *Việt sử lược*, Nxb. Thuận Hóa, Huế – Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, tr. 109.
- 15 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sdd, tr. 291.
- 16 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sdd, tr. 307.
- 17 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sdd, tr. 308.
- 18 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sdd, tr. 324; Trần Quốc Vượng dịch, Đinh Khắc Thuân đối chiếu, chỉnh lý (2005), *Việt sử lược*, Sdd, tr. 152.
- 19 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sdd, tr. 308.
- 20 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sdd, tr. 324; Trần Quốc Vượng dịch, Đinh Khắc Thuân đối chiếu, chỉnh lý (2005), *Việt sử lược*, Sdd, tr. 152.
- 21 Hà Văn Tấn (2002), *Chữ trên đá chữ trên đồng Minh văn và lịch sử*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.151
- 22 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sdd, tr. 308.
- 23 Xem: Nguyễn Duy Hinh (2002), *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 487-494.
- 24 Lê Tắc viết, Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam – Đại học Huế (2002), *An Nam chí lược*, Nxb. Thuận Hóa, Huế – Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, tr. 235.
- 25 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sdd, tr. 324; Trần Quốc Vượng dịch, Đinh Khắc Thuân đối chiếu, chỉnh lý (2005), *Việt sử lược*, Sdd, tr. 152.
- 26 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sdd, tr. 255.
- 27 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sdd, tr. 253.
- 28 Vương Khả (2007), *Báo cáo nghiên cứu sơ lược về Đạo giáo Việt Nam*, in trong *Đạo giáo kinh sử luận tụng*, Nxb. Ba Thục, tr. 446.
- 29 Lê Tắc viết, Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam – Đại học Huế (2002), *An Nam chí lược*, Nxb. Thuận Hóa, Huế – Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, tr. 275.

- 30 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 193, 194.
- 31 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 252.
- 32 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 209.
- 33 Lê Tắc viết, Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam – Đại học Huế (2002), *An Nam chí lược*, Nxb. Thuận Hóa, Huế – Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, tr. 235: “Niên hiệu Đại Trung Tường Phù năm thứ 3 (năm 1010), tháng 12, Công Uẩn sai sứ cúng Phần Âm Hậu Thổ”.
- 34 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 242; Trần Quốc Vượng dịch, Đinh Khắc Thuân đối chiếu, chỉnh lý (2005), *Việt sử lược*, Sđd, tr. 75. Trong *Đại Việt Sử ký toàn thư* chữ Hán ghi Đại Thanh, trong *Việt sử lược* ghi là Thái Thanh, so sánh những ghi chép về các triều đại sau, ghi Thái Thanh là chính xác. Nội dung cụ thể: “ở trong thành bên tả dựng cung Đại (Thái) Thanh, bên hữu dựng chùa Vạn Tuế, làm kho Trần Phúc.
- 35 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 245.
- 36 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 253.
- 37 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 255.
- 38 Ký lục: được đăng ký, được chính thức thừa nhận việc tu hành.
- 39 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 255.
- 40 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 273: Năm 1063, “Thánh Tông “đã 40 tuổi mà chưa có con nối dõi... Nhân gian có lưu truyền chuyện nhà vua cầu tự vẫn chưa linh nghiệm, liền nhân đó mà ngao du các chùa, quán”.
- 41 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 276; Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia – Viện sử học dịch (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 346; Trần Quốc Vượng dịch (2005), *Việt sử lược*, Sđd, tr. 98.
- 42 Trần Quốc Vượng dịch, Đinh Khắc Thuân đối chiếu, chỉnh lý (2005), *Việt sử lược*, Sđd, tr. 109.
- 43 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 286: ghi là đàn chay;
- 44 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 291.
- 45 Lộ Công: tên gọi của người bị tội, phải đi làm đồ dịch.
- 46 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 299, 300.
- 47 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 307.
- 48 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 308.

- 49 Trần Quốc Vượng dịch, Đinh Khắc Thuân đối chiếu, chỉnh lý (2005), *Việt sử lược*, Sđd, tr. 151.
- 50 Trần Quốc Vượng dịch, Đinh Khắc Thuân đối chiếu, chỉnh lý (2005), *Việt sử lược*, Sđd, tr. 152.
- 51 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 324.
- 52 Ngọc Hồ dịch, Nhất Tâm tâm chú, “Hậu Thổ Phu Nhân”, trong *Việt điện u linh tập lục toàn biên*, Nxb. Sống Mới, Sài Gòn, tr. 138, 139.
- 53 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 324; Trần Quốc Vượng dịch, Đinh Khắc Thuân đối chiếu, chỉnh lý (2005), *Việt sử lược*, Sđd, tr. 152.
- 54 Cổ thi: thơ cổ; Thi tức là thơ
- 55 Trần Quốc Vượng dịch, Đinh Khắc Thuân đối chiếu, chỉnh lý (2005), *Việt sử lược*, Sđd, tr. 157.
- 56 Xuất thân: được bổ nhiệm làm quan
- 57 Trần Quốc Vượng dịch, Đinh Khắc Thuân đối chiếu, chỉnh lý (2005), *Việt sử lược*, Sđd, tr. 163.
- 58 Tức Trần Thuận Tông, cuối đời bị Hồ Quý Ly ép theo Đạo giáo, nhường ngôi cho con trai mới 3 tuổi.
- 59 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 10.
- 60 Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia – Viện sử học dịch (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 471; Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 21.
- 61 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 21.
- 62 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 22.
- 63 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 44, 65.
- 64 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr.89.
- 65 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 86.
- 66 Trai tiểu: đàn cúng do đạo sĩ cúng để cầu chúc cho nhà vua sống lâu.
- 67 Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia – Viện sử học dịch (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 390.
- 68 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 98.
- 69 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr.395.
- 70 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 148.
- 71 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 145.
- 72 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 188.

- 73 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 22.
- 74 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 10.
- 75 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 120.
- 76 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 26.
- 77 Tổ phiên dịch Văn học chữ Hán Việt Nam, *Hoàng tuyển thi văn tuyển* (1957), tập 1, Nxb. Văn hóa Việt Nam, tr. 30.
- 78 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 239.
- 79 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 237.
- 80 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 22.
- 81 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 65.
- 82 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 44.
- 83 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 253.
- 84 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 148.
- 85 Trần Quốc Vượng dịch, Đinh Khắc Thuân đối chiếu, chỉnh lý (2005), *Việt sử lược*, Sđd, tr. 151.
- 86 Trần Quốc Vượng dịch, Đinh Khắc Thuân đối chiếu, chỉnh lý (2005), *Việt sử lược*, Sđd, tr. 152.
- 87 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 324.
- 88 Ngọc Hồ dịch, Nhất Tâm tâm chú, “Hậu Thổ Phu Nhân”, trong *Việt điện u linh tập lục toàn biên*, Nxb. Sống Mới, Sài Gòn, tr. 138, 139.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tôn Diệc Bình (2013), “Bàn luận về phương thức truyền bá Đạo giáo ở Việt Nam”, đăng trong *Nghiên cứu phát triển xã hội và tôn giáo Đông Nam Á*, Nxb. Khoa học xã hội Trung Quốc.
2. Ngọc Hồ dịch, Nhất Tâm tâm chú, “Hậu Thổ Phu Nhân”, trong *Việt điện u linh tập lục toàn biên*, Nxb. Sống Mới, Sài Gòn.
3. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia – Viện sử học dịch (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
4. Nguyễn Duy Hình (2003), *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Lê Tắc viết, Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam – Đại học Huế (2002), *An Nam chí lược*, Nxb. Thuận Hóa, Huế – Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.
6. Nguyễn Quốc Tuấn (2014), “Tiếp cận hệ thống về thực thể tôn giáo: Một cách nhìn khác về tôn giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3 (129).
7. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Trần Quốc Vượng dịch, Đinh Khắc Thuân đối chiếu, chỉnh lý (2005), *Việt sử lược*, Nxb. Thuận Hóa, Huế – Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.

Abstract**TAOISM IN VIETNAM DURING THE LY AND TRAN
DYNASTIES THROUGH SOME SINO-NOM TYPICAL
WORKS****Hoang Thi Thu Huong***Institute for Religious Studies, VASS***Pham Minh Phuong***Institute for Religious Studies, VASS*

Taoism in Vietnam has been an attractive topic for many researchers. Previous studies used to examine Taoism in different periods in order to find out the ideological continuity among the dynasties, as well as, the different features of each period. In this article, the author also approached Taoism of the Ly and Tran dynasties along historical process through typical Han-Nom works (history, literature) to research, analyze and point out the characteristics and role of Taoism in Vietnam in the following aspects: the place of worship, the object of worship, the Taoists and Taoist practitioners, and the Taoist practices.

Keywords: Taoism; Taoists; Ly - Tran period; literature; Sino-Nom.